

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Thị trường chứng khoán chứng kiến sự giằng co tại ngày đáo hạn phái sinh. Chỉ số VN-Index biến động trong biên độ hẹp 14.55 điểm trước khi đóng cửa tại mức 1313.20, tăng nhẹ +3.47 điểm so với kết phiên trước. Thanh khoản tiếp tục duy trì với trên 26 nghìn tỷ đồng. Sự giằng co thể hiện rõ ràng, khi có đến 7/18 nhóm ngành giảm điểm, đà giảm được dẫn dắt bởi nhóm Bất động sản, Truyền thông. Khối ngoại có phiên mua ròng thứ 3 liên tiếp với tổng giá trị mua ròng gần 900 tỷ đồng trên cả 3 sàn. Chỉ số đang giao dịch tại vùng kháng cự mạnh, gặp áp lực điều chỉnh giá, các nhà đầu tư giao dịch ngắn hạn cần thận trọng tại khu vực hiện tại.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL ghi nhận đà giảm, ngoại trừ VN30F2505.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 15/05/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+3.47** điểm, đóng cửa tại **1313.2** điểm. HNX-Index **+0.40** điểm, đóng cửa tại **219.28** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VPL (+2.79)**, **LPB (+0.97)**, **ACB (+0.80)**, **MBB (+0.79)**, **SHB (+0.69)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-2.19)**, **FPT (-0.44)**, **BCM (-0.35)**, **VRE (-0.28)**, **VJC (-0.25)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **24,486** tỷ đồng, tăng **7.29%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 25,908 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 14.55 điểm. Thị trường có **167** mã tăng, 50 mã tham chiếu, **152** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **917.62** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MBB (554.23 tỷ)**, **SHB (292.68 tỷ)**, **FPT (158.14 tỷ)**, **MWG (155.40 tỷ)**, **VPB (122.05 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-27.30** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.45%**. Các mã diễn biến tích cực:
MSB (+3.90%) [\(Link báo cáo\)](#)
ACB (+3.02%) [\(Link báo cáo\)](#)
HSG (+2.90%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-0.13%**. Các mã diễn biến tích cực:
LPB (+3.78%)
VCG (+2.80%)
HHV (+2.06%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.45%	-0.13%	0.26%	0.26%
1 tuần	4.40%	1.98%	3.42%	3.73%
1 tháng	8.79%	8.36%	6.96%	6.92%
3 tháng	11.80%	-0.85%	2.91%	4.55%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,313.20	219.28	95.54
% 1D	0.26%	0.18%	0.69%
GTKL (tỷ VND)	24,486	1,195	641
%1D	7.29%	-13.50%	-11.84%
GDNN (tỷ VND)	917.62	-27.30	-0.84

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MBB	554.23	VHM	-633.21
SHB	292.68	VRE	-237.07
FPT	158.14	GEX	-98.46
MWG	155.40	TCH	-52.77
VPB	122.05	VNM	-46.73

Thị trường thế giới

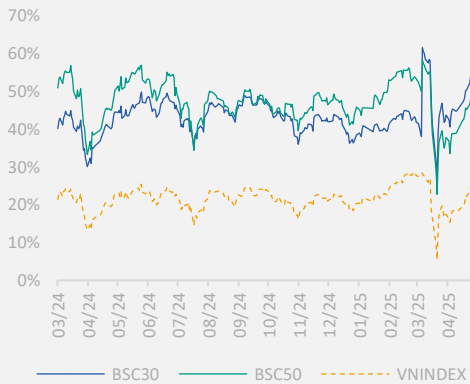
		%D	%W
SPX	5,893	0.10%	4.64%
FTSE100	8,558	-0.32%	0.31%
Eurostoxx	5,375	-0.55%	1.93%
Shanghai	3,381	-0.68%	0.86%
Nikkei	37,793	-0.88%	2.34%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	63.55	-3.49%
Giá vàng	3,166	-0.56%
Tỷ giá		
USD/VND	26,110	-0.04%
EUR/VND	29,843	-0.42%
JPY/VND	182	0.55%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.1%	-0.01%
LS LNH 1M	4.2%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1394.70	-0.04%	124	9.7%	9/18/2025	126
VN30F2512	1395.50	-0.08%	73	-30.5%	12/18/2025	217
VN30F2505	1400.70	0.30%	163,958	-30.9%	5/15/2025	0
VN30F2506	1395.90	-0.29%	44,986	145.3%	6/19/2025	35

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +3.62 điểm, đóng cửa tại 1401.49 điểm. Biên độ dao động 19.03 điểm. Các cổ phiếu như LPB, ACB, SHB, MBB, STB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 bật tăng cuối phiên chiều sau khi giằng co trong suốt phiên sáng. Thanh khoản tăng mạnh, nằm trên đường MA20. Xu hướng tăng vẫn duy trì ở khung 1D, 1W, việc tiếp tục nắm giữ cổ phiếu là không có gì đáng ngại. Chiến lược là Long/Short linh hoạt đối với phái sinh.
- Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2509, VN30F2512, VN30F2506. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2512, VN30F2505, Xét về vị thế mở, tất cả các HĐTL đều giảm.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVIB2501	5/26/2025	11	1,283,300	-88.69%	2.00	60	200.0%	8.38	2.12	18.75	18.75
CACB2504	5/26/2025	11	3,747,300	-89.20%	2.60	80	166.7%	11.48	2.76	25.55	25.55
CVPB2410	8/14/2025	91	1,000	-80.11%	2.10	530	55.9%	5.49	3.69	18.55	18.55
CVNM2401	5/21/2025	6	442,900	-88.44%	6.33	30	50.0%	6.57	6.56	56.80	56.80
CVPB2506	10/6/2025	144	307,500	-81.46%	2.02	710	42.0%	8.28	3.44	18.55	18.55
CVPB2503	5/26/2025	11	860,900	-87.39%	1.90	220	37.5%	8.33	2.34	18.55	18.55
CACB2506	6/30/2025	46	5,100	-86.30%	2.74	380	35.7%	11.41	3.50	25.55	25.55
CTPB2405	6/30/2025	46	110,700	-85.02%	1.90	40	33.3%	2.97	2.06	13.75	13.75
CFPT2501	7/28/2025	74	286,300	-85.44%	16.00	220	29.4%	10.92	18.20	125.00	125.00
CSSB2501	7/21/2025	67	256,100	-84.39%	2.07	240	26.3%	4.34	3.03	19.40	19.40
CACB2501	7/28/2025	74	33,800	-82.19%	2.45	700	25.0%	7.71	4.55	25.55	25.55
CVIB2402	5/21/2025	6	412,900	-88.60%	2.05	50	25.0%	9.77	2.14	18.75	18.75
CVPB2412	6/30/2025	46	482,100	-87.18%	2.28	50	25.0%	8.14	2.38	18.55	18.55
CVIB2503	6/30/2025	46	100	-85.07%	2.12	680	23.6%	16.64	2.80	18.75	18.75
CSHB2503	9/19/2025	127	1,455,000	-74.45%	1.28	1,110	23.3%	6.22	3.50	13.70	13.70
CACB2503	10/27/2025	165	942,700	-81.68%	2.70	990	22.2%	11.45	4.68	25.55	25.55
CSHB2504	11/19/2025	188	137,500	-72.99%	1.34	1,180	21.6%	6.20	3.70	13.70	13.70
CFPT2506	6/30/2025	46	28,400	-86.11%	16.40	120	20.0%	13.59	17.36	125.00	125.00
CVIB2406	7/28/2025	74	1,940,200	-82.19%	1.90	360	20.0%	4.22	3.34	18.75	18.75
CVPB2505	6/30/2025	46	55,100	-86.58%	2.10	390	18.2%	16.46	2.49	18.55	18.55

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 15/05/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CVIB2501 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 200.00%. CSTB2409 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.80%.
- CVIC2501, CVIC2405, CVIC2502, CVIC2503, CVHM2408 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2402, CVHM2504, CVIC2503, CVRE2504, CMWG2506 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
LPB	37.05	3.78%	2.45
ACB	25.55	3.02%	1.91
SHB	13.70	5.38%	1.57
MBB	25.05	2.24%	1.16
STB	40.70	1.75%	0.83

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VHM	58.00	-3.97%	-3.30
FPT	125.00	-1.03%	-1.44
VJC	91.00	-2.15%	-0.85
VRE	24.15	-2.23%	-0.71
BCM	61.00	-2.40%	-0.09

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPL	97.70	6.89%	2.79	1.79
LPB	37.05	3.78%	0.97	2.99
ACB	25.55	3.02%	0.80	4.47
MBB	25.05	2.24%	0.79	6.10
SHB	13.70	5.38%	0.69	4.07

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SHS	13.10	2.34%	0.16	0.81
DNP	20.90	7.18%	0.13	0.14
NVB	10.60	0.95%	0.07	1.17
MBS	27.80	0.72%	0.07	0.57
CEO	13.20	1.54%	0.07	0.54

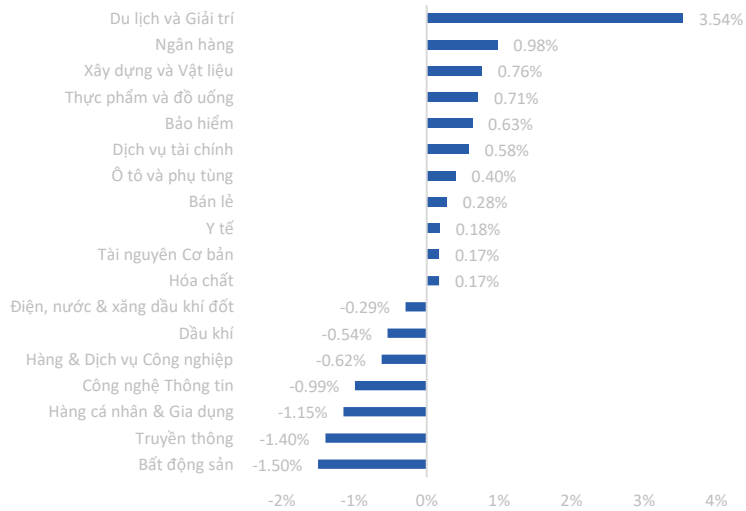
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BCG	3.52	6.99%	0.05	6.70
VNE	4.60	6.98%	0.01	0.70
VPL	97.70	6.89%	2.79	1.82
CCL	7.02	6.85%	0.01	0.42
TCD	2.05	6.77%	0.01	0.80

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PRC	19.90	9.94%	0.02	0.01
PHN	71.90	9.77%	0.19	0.00
API	7.90	9.72%	0.24	1.82
NRC	4.90	8.89%	0.15	1.06
POT	16.20	8.00%	0.09	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	58.00	-3.97%	-2.19	4.11
FPT	125.00	-1.03%	-0.44	1.47
BCM	61.00	-2.40%	-0.35	1.04
VRE	24.15	-2.23%	-0.28	2.27
VJC	91.00	-2.15%	-0.25	0.54

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	183.50	-2.39%	-0.55	0.20
IDC	42.00	-2.10%	-0.18	0.33
DTK	12.70	-2.31%	-0.13	0.68
NTP	70.80	-1.94%	-0.12	0.14
HGM	301.00	-3.56%	-0.08	0.01

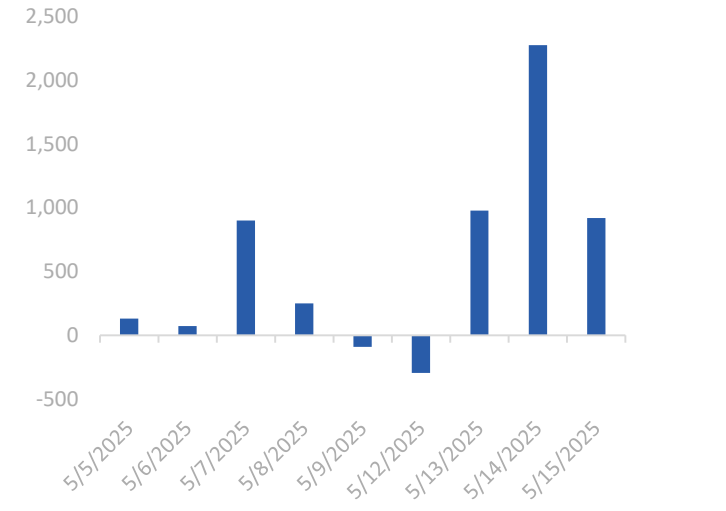
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CCC	15.30	-6.99%	-0.01	0.35
BTT	38.15	-6.95%	-0.01	0.00
HRC	29.70	-6.60%	-0.01	0.00
SMA	8.60	-6.52%	0.00	0.00
SFC	20.60	-6.36%	0.00	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PTD	4.80	-7.69%	-0.01	0.00
SVN	5.20	-7.14%	-0.03	0.49
VSM	24.50	-5.04%	-0.02	0.00
PTS	9.50	-5.00%	-0.01	0.03
LDP	11.60	-4.92%	-0.03	0.16

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	64.3	0.5%	1.4	95,095	657.3	2,981	21.6		47.4%	
KBC	Bất động sản	25.6	-1.5%	1.7	19,651	131.3	1,629	15.7		16.3%	
KDH	Bất động sản	29.4	0.2%	1.2	29,677	54.2	896	32.7		36.0%	
PDR	Bất động sản	16.8	0.0%	1.7	15,242	130.0	180	93.1	23,600	11.4%	Link
VHM	Bất động sản	58.0	-4.0%	1.0	238,230	1071.7	7,766	7.5	58,200	12.1%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	125.0	-1.0%	1.1	185,166	1096.3	5,617	22.3	163,000	41.5%	Link
BSR	Dầu khí	18.0	-0.8%	0.0	55,809	68.7	(37)	-489.7		0.3%	
PVS	Dầu khí	27.9	-0.4%	1.3	13,335	84.8	2,303	12.1	40,300	15.6%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	26.6	1.1%	1.8	19,115	255.9	1,394	19.1		40.1%	
SSI	Dịch vụ tài chính	23.9	0.0%	1.5	46,889	572.6	1,546	15.5		35.1%	
VCI	Dịch vụ tài chính	37.9	0.5%	1.5	27,216	325.7	1,602	23.7		30.3%	
DCM	Hóa chất	33.8	0.2%	1.7	17,894	79.1	2,805	12.1	37,800	5.0%	Link
DGC	Hóa chất	93.5	-0.3%	1.5	35,509	139.4	8,224	11.4	108,500	15.1%	Link
ACB	Ngân hàng	25.6	3.0%	0.8	114,123	694.2	3,708	6.9	30,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	37.4	-0.1%	1.0	262,599	247.6	3,643	10.3	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	39.8	0.4%	0.9	213,457	390.7	4,806	8.3	50,000	27.0%	Link
HDB	Ngân hàng	22.3	0.2%	0.9	77,765	281.3	3,985	5.6		16.9%	
MBB	Ngân hàng	25.1	2.2%	0.9	152,862	1808.3	4,049	6.2	28,200	22.6%	Link
MSB	Ngân hàng	12.0	3.9%	1.2	31,200	326.7	2,150	5.6	14,000	27.5%	Link
STB	Ngân hàng	40.7	1.8%	0.9	76,728	783.0	5,767	7.1		20.8%	
TCB	Ngân hàng	29.9	0.2%	1.1	211,239	601.7	3,013	9.9	32,700	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	13.8	-0.4%	1.0	36,327	195.0	2,383	5.8	-	22.9%	Link
VCB	Ngân hàng	58.7	0.0%	0.5	490,478	489.1	4,063	14.5		22.3%	
VIB	Ngân hàng	18.8	2.2%	0.9	55,859	175.5	2,400	7.8	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	18.6	0.8%	1.0	147,174	1033.0	2,030	9.1	24,000	24.5%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.2	0.0%	1.1	167,262	588.2	1,954	13.4	37,500	22.1%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.0	2.9%	1.5	9,905	210.5	749	21.3	16,800	6.6%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	29.1	0.0%	1.9	9,722	204.1	3,930	7.4	32,200	2.1%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	62.8	0.8%	1.4	90,328	362.6	1,518	41.4		25.1%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	56.8	1.1%	0.5	118,709	257.9	4,194	13.5		48.8%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	34.4	-0.58%	1.9	7,539	42.4	2,098	16.4	18.8%	15.7%	Link
FRT	Bán lẻ	175.0	0.00%	1.2	23,842	60.6	3,279	53.4	32.5%	24.0%	
BVH	Bảo hiểm	49.6	0.81%	1.1	36,819	38.4	2,975	16.7	26.9%	9.7%	
DIG	Bất động sản	16.0	0.00%	1.5	9,758	135.0	321	49.8	3.5%	2.5%	
DXG	Bất động sản	16.3	-0.61%	1.5	14,195	147.5	372	43.8	23.4%	2.5%	Link
HDC	Bất động sản	23.8	1.71%	1.4	4,245	120.6	436	54.6	3.4%	3.4%	
HDG	Bất động sản	24.8	0.40%	1.5	8,341	69.2	839	29.6	19.7%	4.6%	Link
IDC	Bất động sản	42.0	-2.10%	1.4	13,860	99.7	4,982	8.4	16.9%	31.2%	
NLG	Bất động sản	33.8	-0.30%	1.6	12,996	76.8	1,827	18.5	41.1%	7.4%	Link
SIP	Bất động sản	69.1	0.14%	0.0	14,548	30.6	6,076	11.4	4.5%	29.7%	
SZC	Bất động sản	33.8	0.15%	1.7	6,075	87.0	2,036	16.6	2.1%	11.8%	Link
TCH	Bất động sản	17.7	-1.94%	1.7	11,827	187.7	1,279	13.8	9.8%	9.1%	Link
VIC	Bất động sản	79.8	0.00%	1.1	305,128	704.5	2,823	28.3	7.7%	8.0%	
VRE	Bất động sản	24.2	-2.23%	1.2	54,876	685.9	1,844	13.1	19.7%	10.1%	
CMG	Công nghệ Thông tin	36.2	0.28%	1.1	7,649	54.5	1,654	21.9	36.5%	12.5%	
PLX	Dầu khí	35.6	-0.42%	1.0	45,170	43.7	1,535	23.2	17.4%	7.6%	Link
PVD	Dầu khí	19.0	0.53%	1.4	10,534	91.5	1,246	15.2	7.7%	4.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	36.2	0.28%	2.0	12,182	130.8	1,650	21.9	27.9%	13.7%	
MBS	Dịch vụ tài chính	27.8	0.72%	1.8	15,923	127.7	1,650	16.9	6.8%	12.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	62.0	0.16%	0.8	145,246	41.3	4,543	13.7	1.7%	17.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.9	-0.39%	1.0	30,093	109.1	606	21.2	3.8%	4.4%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	71.0	-0.70%	0.9	33,442	46.4	4,511	15.7	49.0%	11.4%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	91.0	-2.15%	0.6	49,287	109.1	2,825	32.2	12.5%	9.0%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	28.3	-2.41%	1.7	25,538	295.3	1,954	14.5	10.0%	12.8%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	55.2	-1.08%	1.2	23,195	150.7	3,797	14.5	39.9%	11.9%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	65.1	-2.25%	1.3	8,456	77.9	5,594	11.6	12.1%	25.8%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	22.1	-0.23%	1.4	7,850	78.8	3,026	7.3	10.9%	14.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	114.7	-1.12%	0.0	13,969	98.2	3,235	35.5	6.5%	24.9%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	84.4	-1.86%	1.0	28,519	123.1	6,105	13.8	48.6%	18.6%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	31.2	-0.32%	1.0	3,178	44.6	2,869	10.9	49.8%	13.2%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	17.5	-1.69%	1.3	2,146	15.5	2,580	6.8	16.8%	17.0%	Link
DPM	Hóa chất	34.3	0.29%	1.5	13,403	56.5	1,223	28.0	9.1%	4.3%	Link
GVR	Hóa chất	28.1	0.36%	2.2	112,400	127.6	1,174	23.9	0.7%	8.9%	
EIB	Ngân hàng	19.9	-0.25%	1.0	36,975	212.5	1,856	10.7	4.0%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	37.1	3.78%	0.7	110,679	325.4	3,333	11.1	0.8%	23.7%	
NAB	Ngân hàng	17.5	0.87%	0.0	23,951	87.8	2,809	6.2	1.8%	20.4%	
OCB	Ngân hàng	11.0	0.92%	1.0	27,124	242.6	1,189	9.3	19.2%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	12.9	0.39%	1.5	5,751	94.0	1,122	11.5	5.5%	5.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	14.7	-2.65%	1.6	3,914	45.3	612	24.0	0.6%	5.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.9	-0.29%	0.8	10,595	103.0	1,439	24.2	2.6%	12.2%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	50.3	1.62%	1.2	64,513	68.9	3,217	15.6	59.2%	17.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	53.9	-1.64%	1.4	12,098	76.8	5,601	9.6	22.9%	14.5%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	149.0	-1.32%	1.0	12,197	19.3	13,288	11.2	85.7%	38.6%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	82.4	1.73%	1.4	8,234	121.1	3,238	25.4	48.4%	3.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	96.0	-0.21%	1.6	10,981	52.5	4,754	20.2	8.3%	29.3%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	51.4	1.38%	1.5	3,238	47.6	3,738	13.8	7.9%	12.2%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.4	2.06%	1.5	5,875	209.6	1,100	11.3	8.0%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.3	0.23%	1.5	7,958	33.4	1,217	18.3	16.6%	8.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	22.1	2.80%	1.5	13,199	490.3	988	22.3	6.3%	7.4%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	46.0	0.44%	1.7	20,624	31.6	2,720	16.9	5.7%	14.6%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
5	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
6	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
7	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
19	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
22	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
23	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
24	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>